

Số: /QĐ-UBND

Hoà Bình, ngày tháng 11 năm 2019

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1358/TTr-SCT ngày 17/10/2019,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành (02 thủ tục); danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung (03 thủ tục) thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

**Điều 2.** Bãi bỏ 02 thủ tục hành chính lĩnh vực an toàn thực phẩm công bố tại Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 09/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh; 03 thủ tục hành chính lĩnh vực thuốc lá công bố tại Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

*(Có Danh mục chi tiết kèm theo)*

Phụ lục Danh mục và nội dung cụ thể của thủ tục hành chính tại Quyết định này được đăng tải trên Trang Thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, chuyên mục “Văn bản/Quyết định” tại địa chỉ: <http://vpubnd.hoabinh.gov.vn>.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Các thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này được thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện kể từ ngày ký.

- Giao Sở Công Thương:

+ Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan liên quan, căn cứ thủ tục hành chính tại Quyết định này rà soát, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt. Thời gian trong tháng 11/2019.

+ Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và cơ quan có liên quan đăng tải đầy đủ nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trang Thông tin điện tử của Sở, Ngành liên quan và niêm yết, công khai thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo việc niêm yết, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang Thông tin điện tử của huyện; thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện theo quy định.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trưởng Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 5;
- Cục Kiểm soát TTHC - VP Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP VP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm TH&CB tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (Ng.05b)

**CHỦ TỊCH**

**Bùi Văn Khánh**

**Phụ lục 1**  
**DANH MỤC TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG,**  
**UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÒA BÌNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số:                   /QĐ-UBND ngày            tháng 11 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình).

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích		Căn cứ pháp lý
					Tiếp nhận	Trả kết quả	
<b>I</b>	<b>TTHC CẤP TỈNH</b>						
*	<b>Lĩnh vực An toàn thực phẩm</b>						
1	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	13 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình	Thông tư số <a href="#">279/2016/T-BTC</a> ngày 14 tháng 11 năm 2016	x	x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;</li> <li>- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;</li> <li>- Thông tư số <a href="#">279/2016/T-BTC</a> ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;</li> <li>- Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số <a href="#">279/2016/T-BTC</a> ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh</li> </ul>

							<p>thực phẩm;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của UBND tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.</li> </ul>
<b>II</b>	<b>TTHC CẤP HUYỆN</b>						
*	<b>Lĩnh vực An toàn thực phẩm</b>						
1	<p>Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc thẩm quyền cấp của UBND huyện, thành phố</p>	<p><b>13 ngày làm việc</b></p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện</p>	<p>Thông tư 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016</p>			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;</li> <li>- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;</li> <li>- Thông tư số <a href="#">279/2016/TT-BTC</a> ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;</li> <li>- Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số <a href="#">279/2016/TT-BTC</a> ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;</li> <li>- Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của UBND tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.</li> </ul>

## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích		Căn cứ pháp lý
					Tiếp nhận	Trả kết quả	
<b>II</b>	<b>TTHC CẤP HUYỆN</b>						
	<b>* Lĩnh vực thuốc lá</b>						
1	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	TP Hòa Bình: 1.200.000đ//điểm kinh doanh/lần thẩm định. Khu vực khác: 600.000đ//điểm kinh doanh/lần thẩm định.			- Quyết định số 201/QĐ-BCT ngày 17/01/2018 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ hoặc sửa đổi thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	TP Hòa Bình: 1.200.000đ//điểm kinh doanh/lần thẩm định. Khu vực khác: 600.000đ//điểm kinh doanh/lần thẩm định.			nt
3	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết	TP Hòa Bình: 1.200.000đ//điểm			nt

		nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	quả cấp huyện	kinh doanh/lần thẩm định. Khu vực khác: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.			
--	--	-----------------------	---------------	---	--	--	--

**C. DANH MỤC TTHC BỊ BÃI BỎ** (do được sửa đổi, bổ sung)

STT	Tên hồ sơ TTHC	Tên TTHC bị bãi bỏ
<b>I</b>	<b>TTHC CẤP TỈNH</b>	
		<b>Lĩnh vực An toàn thực phẩm</b> (Công bố tại Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 09/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)
1		Kiểm tra và cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương
<b>II</b>	<b>TTHC CẤP HUYỆN</b>	
<b>a)</b>		<b>Lĩnh vực An toàn thực phẩm</b> (Công bố tại Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 09/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)
		Kiểm tra và cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc thẩm quyền của UBND huyện, thành phố
<b>b)</b>		<b>Lĩnh vực Thuốc lá</b> (Công bố tại Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)
		Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
		Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
		Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

**Phần II**  
**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC**  
**THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG, UBND CẤP**  
**HUYỆN TỈNH HOÀ BÌNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình)*

**A. TTHC MỚI BAN HÀNH CẤP TỈNH**

**\* Lĩnh vực An toàn thực phẩm**

**1. Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương**

**1.1. Trình tự thực hiện**

- Bước 1. Nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định tại “Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả” Sở Công thương Hoà Bình.

- Bước 2. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển đến phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường xử lý hồ sơ.

Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ, Sở Công Thương lập kế hoạch để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và gửi thông báo thời gian, địa điểm tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức/cá nhân.

Sau 03 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức kiểm tra, đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm bằng bộ câu hỏi, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức/cá nhân đạt yêu cầu (đã trả lời đúng trên 80% số câu hỏi trở lên ở mỗi phần câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành trong bài kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm).

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương.

**1.2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương.
- Nộp qua đường bưu điện.

**1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a. Đối với tổ chức:

- Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a;
- Bản danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01b;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã (có dấu xác nhận của tổ chức);

- Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

b. Đối với cá nhân:

- Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a;

- Bản sao giấy chứng minh thư nhân dân;

- Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

c. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**1.4. Thời hạn giải quyết:** 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.

**1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương Hòa Bình.

**1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy xác nhận theo Mẫu số 02.

**1.8. Lệ phí:** 30.000 đồng (Ba mươi nghìn đồng chẵn)/01 người theo quy định tại Thông tư số [279/2016/T-BTC](#) ngày 14 tháng 11 năm 2016.

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu 01a: Đơn đề nghị kiểm tra, xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

- Mẫu 01b: Danh sách đề nghị kiểm tra xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm chỉ cấp cho những người đã trả lời đúng từ 80% tổng số câu hỏi (gồm các câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành) trở lên.

- Nội dung kiến thức về an toàn thực phẩm bao gồm kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành về an toàn thực phẩm, trong đó:

+ Kiến thức chung về an toàn thực phẩm gồm: Các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm; các mối nguy an toàn thực phẩm; điều kiện an toàn thực phẩm; phương pháp bảo đảm an toàn thực phẩm; thực hành tốt an toàn thực phẩm.

+ Kiến thức chuyên ngành về an toàn thực phẩm gồm: Các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

**1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;



- Thông tư số [279/2016/T-BTC](#) ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;

- Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số [279/2016/T-BTC](#) ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;

- Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của UBND tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

**Mẫu số 01a**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm**

Kính gửi: ..... (cơ quan có thẩm quyền xác nhận kiến thức về ATTP)

Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân .....

Giấy CNĐKDN/VPĐD (hoặc số CMTND đối với cá nhân) số.....,  
cấp ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....

Địa chỉ:....., Số điện thoại.....

Số Fax.....E-mail.....

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do Bộ Công Thương ban hành, chúng tôi /Tôi đã hiểu rõ các quy định và nội dung của tài liệu. Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá, xác nhận kiến thức cho chúng tôi/Tôi theo nội dung của tài liệu của Bộ Công Thương ban hành.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Đại diện Tổ chức/Cá nhân**  
(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

**DANH SÁCH**  
**ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA KIẾN THỨC AN TOÀN THỰC PHẨM**  
*(kèm theo Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của .....(tên tổ chức)*

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số CMTND	Ngày, tháng, năm cấp	Nơi cấp

*Địa danh, ngày.....tháng.....năm.....*  
**Đại diện Tổ chức đề nghị xác nhận**  
*(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)*

**Mẫu số 02**

**TÊN CƠ QUAN**  
**XÁC NHẬN**  
 -----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
 -----

**GIẤY XÁC NHẬN KIẾN THỨC**  
**VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

Số: /20.../XNTH-ký hiệu viết tắt của cơ quan xác nhận

Căn cứ Thông tư liên tịch số ..... và nội dung, tài liệu kiến thức an toàn thực phẩm của (cơ quan theo Điều 13 của Thông tư liên tịch ....)

...(tên cơ quan xác nhận)... xác nhận các ông/bà thuộc tổ chức:

Tên tổ chức/ Cá nhân: ..... địa chỉ: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện/ CMTND số....., cấp ngày ..... nơi cấp: .....

Điện thoại: .....

(có tên trong danh sách kèm theo Giấy này) có kiến thức cơ bản về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị hết ngày ..... tháng .... năm .....

*....., ngày... tháng ..... năm .....*  
**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN XÁC NHẬN**  
*(ký tên, đóng dấu)*

**Danh sách được xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm**

(kèm theo Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm Số: /20.../XNTH-  
ký hiệu viết tắt của cơ quan xác nhận)

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số CMTND	Ngày/tháng/ năm cấp CM	Nơi cấp CMTND

*Địa danh, ngày ... tháng ... năm .....*

**Thủ trưởng cơ quan xác nhận**

*(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)*

## **II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

### **\* Lĩnh vực An toàn thực phẩm**

#### **1. Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền của UBND huyện, thành phố.**

##### **1.1. Trình tự thực hiện**

- Bước 1. Nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định tại “Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả” UBND huyện, thành phố.

- Bước 2. “Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả” UBND các huyện, thành phố chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn xử lý.

Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ, UBND các huyện, thành phố lập kế hoạch để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và gửi thông báo thời gian, địa điểm tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức/cá nhân.

Sau 03 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức kiểm tra, đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm bằng bộ câu hỏi, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức/cá nhân đạt yêu cầu (đã trả lời đúng trên 80% số câu hỏi trở lên ở mỗi phần câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành trong bài kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm).

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện, thành phố.

##### **1.2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại “Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả” của UBND các huyện, thành phố hoặc nộp qua đường bưu điện.

##### **1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a. Đối với tổ chức:

- Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a;

- Bản danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01b;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

b. Đối với cá nhân:

- Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a;

- Bản sao giấy chứng minh thư nhân dân;

- Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

c. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**1.4. Thời hạn giải quyết:** 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (Cơ sở do cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình thực hiện đăng ký hộ kinh doanh và cơ sở không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật).

**1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** UBND các huyện, thành phố.

**1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy xác nhận theo Mẫu 02.

**1.8. Lệ phí:** 30.000 đồng (Ba mươi nghìn đồng chẵn)/01 người (theo quy định tại Thông tư 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016).

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu 01a: Đơn đề nghị kiểm tra, xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

- Mẫu 01b: Danh sách đề nghị kiểm tra xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm chỉ cấp cho những người đã trả lời đúng từ 80% tổng số câu hỏi (gồm các câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành) trở lên.

- Nội dung kiến thức về an toàn thực phẩm bao gồm kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành về an toàn thực phẩm, trong đó:

+ Kiến thức chung về an toàn thực phẩm gồm: Các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm; các mối nguy an toàn thực phẩm; điều kiện an toàn thực phẩm; phương pháp bảo đảm an toàn thực phẩm; thực hành tốt an toàn thực phẩm.

+ Kiến thức chuyên ngành về an toàn thực phẩm gồm: Các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

**3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

- Thông tư số [279/2016/T-BTC](#) ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;

- Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số [279/2016/T-BTC](#) ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;

- Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của UBND tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Hòa Bình./.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm**

Kính gửi: ..... (cơ quan có thẩm quyền xác nhận kiến thức về ATTP)

Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân .....

Giấy CNĐKDN/VPĐD (hoặc số CMTND đối với cá nhân) số.....,  
cấp ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....

Địa chỉ:....., Số điện thoại.....

Số Fax.....E-mail.....

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do Bộ Công Thương ban hành, chúng tôi /Tôi đã hiểu rõ các quy định và nội dung của tài liệu. Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá, xác nhận kiến thức cho chúng tôi/Tôi theo nội dung của tài liệu của Bộ Công Thương ban hành.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Đại diện Tổ chức/Cá nhân**  
(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

**DANH SÁCH**  
**ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA KIẾN THỨC AN TOÀN THỰC PHẨM**  
(kèm theo Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của .....(tên tổ chức)

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số CMTND	Ngày, tháng, năm cấp	Nơi cấp

Địa danh, ngày.....tháng.....năm.....

**Đại diện Tổ chức đề nghị xác nhận**  
(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

**TÊN CƠ QUAN  
XÁC NHẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY XÁC NHẬN KIẾN THỨC  
VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

Số: /20.../XNTH-ký hiệu viết tắt của cơ quan xác nhận

Căn cứ Thông tư liên tịch số ..... và nội dung, tài liệu kiến thức an toàn thực phẩm của (cơ quan theo Điều 13 của Thông tư liên tịch ....)

...(tên cơ quan xác nhận)... xác nhận các ông/bà thuộc tổ chức:

Tên tổ chức/ Cá nhân: ..... địa chỉ: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện/ CMTND số....., cấp ngày ..... nơi cấp: .....

Điện thoại: .....

(có tên trong danh sách kèm theo Giấy này) có kiến thức cơ bản về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị hết ngày ..... tháng ..... năm .....

....., ngày... tháng ..... năm .....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN XÁC  
NHẬN**

(ký tên, đóng dấu)

**Danh sách được xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm**

(kèm theo Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm Số: /20.../XNTH-ký hiệu viết tắt của cơ quan xác nhận)

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số CMTND	Ngày/tháng/ năm cấp CM	Nơi cấp CMTND

Địa danh, ngày ... tháng ... năm .....

**Thủ trưởng cơ quan xác nhận**

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

## **B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP HUYỆN**

### **1. Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá**

#### **1.1. Trình tự thực hiện:**

- Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá gửi 01 bộ hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế & Hạ tầng các huyện, Phòng Kinh tế thành phố xem xét và cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Phòng Kinh tế & Hạ tầng các huyện, Phòng Kinh tế thành phố sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Phòng Kinh tế & Hạ tầng các huyện, Phòng Kinh tế thành phố có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ

#### **1.2. Cách thức thực hiện:**

- Qua bưu điện

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.

#### **1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*\* Thành phần hồ sơ, bao gồm:*

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

c) Bản sao các văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;

*\* Số lượng hồ sơ:*

Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá lập 02 bộ hồ sơ theo quy định, 01 bộ gửi Phòng Kinh tế & Hạ tầng các huyện, Phòng Kinh tế thành phố, thương nhân lưu 01 bộ;

#### **1.4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế & Hạ tầng các huyện, Phòng Kinh tế thành phố xem xét và cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Phòng Kinh tế & Hạ tầng các huyện, Phòng Kinh tế thành phố sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Phòng Kinh tế & Hạ tầng các huyện, Phòng Kinh tế thành phố có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá



**1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Phòng Kinh tế & Hạ tầng các huyện, Phòng Kinh tế thành phố

**1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

**1.8. Lệ phí:** (Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính):

- TP Hòa Bình: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
- Khu vực khác: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu tại Phụ lục 23 kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT).

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

a) Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá;  
b) Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 (Bán thuốc lá) Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012 ;

c) Có văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;

**1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.  
- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Quyết định số 201/QĐ-BCT ngày 17/01/2018 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ hoặc sửa đổi thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

**Phụ lục 23**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương)

**TÊN THƯƠNG NHÂN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: UBND huyện (quận) .....<sup>(1)</sup>

1. Tên thương nhân:.....
  2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
  3. Điện thoại:..... Fax:.....;
  4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ .... ngày .....tháng..... năm.....;
  5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
    - Tên: .....
    - Địa chỉ: .....
    - Điện thoại:..... Fax:.....;
- Đề nghị UBND huyện (quận) .....<sup>(1)</sup> xem xét cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, cụ thể như sau:
6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:  
.....<sup>(2)</sup>
  7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:  
.....<sup>(3)</sup>

.....(ghi rõ tên thương nhân).....xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của thương nhân**  
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

**Chú thích:**

(1): Ghi rõ tên huyện (quận) nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

(2): Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

## **2. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá**

### **2.1. Trình tự thực hiện:**

- Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá gửi 01 bộ hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế & Hạ tầng các huyện, Phòng Kinh tế thành phố xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

- Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Phòng Kinh tế & Hạ tầng các huyện, Phòng Kinh tế thành phố sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do

### **2.2. Cách thức thực hiện:**

- Qua bưu điện

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.

### **2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung;

b) Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp;

c) Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

\* Số lượng hồ sơ:

Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá nộp 01 bộ hồ sơ xin đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá gửi Phòng Kinh tế & Hạ tầng các huyện, Phòng Kinh tế thành phố;

### **2.4. Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế & Hạ tầng các huyện, Phòng Kinh tế thành phố xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định Phòng Kinh tế & Hạ tầng các huyện, Phòng Kinh tế thành phố sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

**2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá

**2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Phòng Kinh tế & Hạ tầng các huyện, Phòng Kinh tế thành phố

**2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

**2.8. Lệ phí:** (Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính):

TP Hòa Bình: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

Khu vực khác: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

**2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

Mẫu đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu tại Phụ lục 50 kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT).

**2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có);**

- a) Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá;
- b) Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 (Bán thuốc lá) Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012;
- c) Có văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;

**2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.
- Quyết định số 201/QĐ-BCT ngày 17/01/2018 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ hoặc sửa đổi thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

**Phụ lục 50**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương)

**TÊN THƯƠNG NHÂN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG  
GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: UBND huyện (quận).....

1. Tên thương nhân : .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)... số ..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ .... ngày..... tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

+ Tên: .....

+ Địa chỉ: .....

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được UBND huyện (quận) ..... cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....

Đã được UBND huyện (quận) ..... cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung lần thứ.....) số ..... ngày ..... tháng .....năm .....(nếu đã có)

..... (1) .....

...(ghi rõ tên thương nhân)...kính đề nghị UBND huyện (quận) ..... xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

1. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

2. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá, như sau:

- Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau: ..... (2)

- Để tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm ..... (3)

3. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

- Thông tin cũ:..... (3)

- Thông tin mới:..... (4)

b) Đề nghị bổ sung: .....

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của thương nhân**  
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

**Chú thích:**

- (1): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).
- (2): Ghi rõ tên, địa chỉ các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá.
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.
- (4): Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung

### **3. Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá**

#### **3.1. Trình tự thực hiện:**

- Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá gửi 01 bộ hồ sơ về Trung tâm Hành chính công các huyện, thành phố.
- Trung tâm Hành chính công các huyện, thành phố kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân
- Phòng Kinh tế & Hạ tầng các huyện, Phòng Kinh tế thành phố tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép.

#### **3.2. Cách thức thực hiện:**

- Qua bưu điện
- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công các huyện, thành phố

#### **3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị cấp lại;
- b) Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có).

\* Số lượng hồ sơ:

Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá nộp 01 bộ hồ sơ xin đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá gửi Phòng Kinh tế & Hạ tầng các huyện, Phòng Kinh tế thành phố;

#### **3.4. Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế & Hạ tầng các huyện, Phòng Kinh tế thành phố xem xét và cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được

điều kiện theo quy định Phòng Kinh tế & Hạ tầng các huyện, Phòng Kinh tế thành phố sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

**3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá

**3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Phòng Kinh tế & Hạ tầng các huyện, Phòng Kinh tế thành phố

**3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

**3.8. Lệ phí:** (Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính):

- TP Hòa Bình: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Khu vực khác: 600.000đ/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

**3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu Phụ lục 56 kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT).

**3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có).**

a) Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

b) Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 (Bán thuốc lá) Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012;

c) Có văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;

**3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Quyết định số 201/QĐ-BCT ngày 17/01/2018 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ hoặc sửa đổi thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

**Phụ lục 56**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương)*

**TÊN THƯƠNG NHÂN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI  
GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ  
(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần,  
bị rách, nát hoặc bị cháy)**

Kính gửi: UBND huyện (quận).....<sup>(1)</sup>

1. Tên thương nhân: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số ..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ..... ngày ..... tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
  - Tên: .....
  - Địa chỉ: .....
  - Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được UBND huyện (quận).....<sup>(1)</sup>..... cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....
7. Đã được UBND huyện (quận).....<sup>(1)</sup>.....cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....(nếu có).
- 8....(ghi rõ tên thương nhân)...kính đề nghị UBND huyện (quận).....<sup>(1)</sup>..... xem xét cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do .....<sup>(2)</sup>.....  
.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của thương nhân**  
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

**Chú thích:**

<sup>(1)</sup>: Ghi rõ tên quận, huyện nơi thương nhân xin cấp phép

<sup>(2)</sup>: Ghi rõ lý do xin cấp lại.